

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

**ĐỀ THI MÔN: NGỮ VĂN**

*Ngày thi: 27/6/2013*

*Thời gian làm bài: 150 phút (Không kể thời gian phát đề)*  
**(Đề thi gồm có: 01 trang)**

**Câu 1:** (1,0 điểm)

a) *Truyện Kiều* của Nguyễn Du còn có tên gọi khác là gì? Nêu các giá trị lớn về nội dung của *Truyện Kiều* ?

b) Phát hiện lỗi và chữa lỗi dùng từ trong câu sau:

*Nam có một yếu điểm là chưa mạnh dạn phát biểu ý kiến.*

**Câu 2:** (3,0 điểm)

Trong cuộc sống hiện đại ngày nay, in-tơ-nét đóng vai trò vô cùng quan trọng, thiết yếu. Thế nhưng, thực tế hiện nay có một bộ phận giới trẻ đang sa đà vào thế giới mạng một cách quá ngưỡng; điều này dẫn đến những hậu quả đáng tiếc mà dư luận xã hội rất quan tâm.

Hãy viết một bài văn nghị luận (không quá hai trang giấy thi) bày tỏ suy nghĩ của em về vấn đề trên.

**Câu 3:** (6,0 điểm)

Cảm nhận của em về vẻ đẹp người lính qua hai tác phẩm *Đồng chí* (Chính Hữu) và *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật). Qua đó, em có suy nghĩ gì về hình ảnh những người lính đang ngày đêm canh giữ biển đảo của Tổ quốc hôm nay. **HẾT**

Họ và tên thí sinh: \_\_\_\_\_

Số báo danh: \_\_\_\_\_

Chữ ký GT1: \_\_\_\_\_

Chữ ký GT2: \_\_\_\_\_

**BẢN CHÍNH**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ CHÍNH THỨC MÔN: NGỮ VĂN**

**Ngày thi: 27/6/2013**

**(Hướng dẫn chấm gồm có: 02 trang)**

**I. Hướng dẫn chung:**

1. Giám khảo cần nắm vững hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh cách chấm đếm ý cho điểm.
2. Do đặc trưng của môn Ngữ văn nên giám khảo cần chủ động, linh hoạt trong việc vận dụng đáp án và thang điểm; khuyến khích những bài viết có cảm xúc và sáng tạo.
3. Việc chi tiết hoá điểm số của các ý (nếu có) phải đảm bảo không sai lệch với tổng điểm của mỗi ý và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.

**II. Đáp án và thang điểm:**

**Câu 1: (1,0 điểm)**

NỘI DUNG	ĐIỂM
a. - Truyện Kiều còn có tên gọi khác là <i>Đoạn trường tân thanh</i> . - Về nội dung, <i>Truyện Kiều</i> có hai giá trị lớn: giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo.	0,25 0,25
b. - Lỗi dùng từ: <i>yếu điểm</i> . - Chữa lại: <i>điểm yếu</i> .	0,25 0,25

**Câu 2: (3,0 điểm)**

NỘI DUNG	ĐIỂM
<b>Yêu cầu về kĩ năng:</b> Học sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội (về một sự việc, hiện tượng đời sống); kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, dẫn chứng xác thực; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
<b>Yêu cầu về kiến thức:</b> Học sinh có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu bật được các ý sau:	
<b>1. Dẫn dắt vào đề, nêu vấn đề nghị luận.</b>	0,5
<b>2. Giải thích:</b> - <i>In-tơ-nét</i> là một tập hợp các máy tính được kết nối với nhau trên toàn thế giới, với mục đích chính là trao đổi và chia sẻ thông tin... - <i>Sa đà quá ngưỡng</i> : sự ham thích, say mê đến mức không kiểm soát nổi, không mang lại hiệu quả thiết thực.	0,5
<b>3. Suy nghĩ về hiện tượng:</b> a/. Phân tích một số mặt tiện ích của in-tơ-nét: + Cung cấp một khối lượng thông tin khổng lồ trên mọi lĩnh vực đời sống. + Giúp con người mở mang hiểu biết, giao lưu, giải trí,... một cách nhanh chóng, tiết kiệm thời gian. b/. Việc sa đà vào thế giới mạng quá ngưỡng ở một bộ phận giới trẻ hiện nay: - Thực trạng vấn đề: xuất hiện nhiều, ở mọi nơi. - Nguyên nhân: chủ quan, khách quan... - Hậu quả: ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, trí tuệ, nhân cách; là khởi nguồn của một số tệ nạn xã hội như: mại dâm, ma tuý, cờ bạc, trộm cắp,...	1,5

- Phương hướng khắc phục: + Đối với cá nhân. + Vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội.	
<b>4. Liên hệ bản thân, rút ra bài học:</b> - Thái độ của bản thân trước hiện tượng. - Hành động đúng đắn của tuổi trẻ và bản thân trong việc sử dụng in-tơ-nét...	<b>0,5</b>

**Câu 3: (6,0 điểm)**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>ĐIỂM</b>
<b>Yêu cầu về kĩ năng:</b> Học sinh biết cách làm bài nghị luận văn học; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, dẫn chứng tiêu biểu; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
<b>Yêu cầu về kiến thức:</b> Trên cơ sở những hiểu biết về hai tác phẩm: <i>Đồng chí</i> (Chính Hữu), <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> (Phạm Tiến Duật) cùng cuộc sống của những người lính biển đảo ngày nay, thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ được các ý cơ bản sau:	
<b>1. Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nêu vấn đề nghị luận.</b>	<b>0,5</b>
<b>2. Cảm nhận về vẻ đẹp người lính qua hai bài thơ:</b> <b>a. Vẻ đẹp người lính qua “Đồng chí” (Chính Hữu):</b> - Người lính thời kháng Pháp xuất thân từ những người nông dân nghèo, sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê để ra đi vì nghĩa lớn. - Họ đến từ những miền quê khác nhau nhưng cùng chung cảnh ngộ và lý tưởng chiến đấu; gắn kết với nhau trong tình đồng chí, đồng đội thắm thiết; cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi niềm của nhau. - Họ cùng nhau chia sẻ những gian khổ, thiếu thốn của cuộc đời người lính; luôn lạc quan trước gian lao; luôn sát cánh bên nhau trong chiến đấu. - “ <i>Đầu súng trăng treo</i> ”: hình ảnh vừa thực vừa lãng mạn -> biểu tượng về cuộc đời người lính: chiến sĩ mà thi sĩ...	<b>2,0</b>
<b>b. Vẻ đẹp người lính qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến Duật):</b> - Người lính thời chống Mĩ hiện lên với tư thế ung dung, hiên ngang; thái độ bất chấp mọi gian khổ, hiểm nguy tiến ra tiền tuyến. - Họ là những người lính có tâm hồn trẻ trung, lạc quan, yêu đời, yêu đồng đội. - Họ giàu lòng yêu nước, sục sôi ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.	<b>2,0</b>
<b>3. Suy nghĩ về những người lính biển đảo ngày nay:</b> - Cuộc sống thiếu thốn, gian khó: quanh năm đối diện với sóng gió biển khơi... - Nắm chặt tay súng để canh giữ biển trời Tổ quốc...	<b>1,0</b>
<b>4. Tổng hợp, đánh giá, mở rộng:</b> - Hai bài thơ đã thể hiện thành công vẻ đẹp của người lính trong kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ với những nét tương đồng và khác biệt... Vẻ đẹp ấy được khắc họa với những bút pháp nghệ thuật, ngôn ngữ thơ riêng của từng tác giả... - Hình ảnh người lính ngày nay cũng thật đẹp đẽ...	<b>0,5</b>

-----HẾT-----